

Bản án số: 18/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 27/6/2018

V/v tranh chấp: hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ UÔNG BÍ – TỈNH QUẢNG NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Phạm Phúc Định**.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà **Nguyễn Thị Xuân** và ông **Nguyễn Tiến Tập**.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà **Trần Thị Mai Hương** - là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa:** Bà **Lê Thị Nhung** - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 46/2018/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2018 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2018/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* chị **Nguyễn Thị Huyền T**, sinh năm: 1993; nơi ĐKHKTT: tổ 5, khu Bí Trung 1, phường PĐ, thành phố UB, tỉnh Quảng Ninh; chỗ ở hiện nay: thôn 3, xã ĐC, thành phố UB, tỉnh Quảng Ninh; có mặt.

2. *Bị đơn:* anh **Trần Văn N**, sinh năm: 1988; nơi ĐKHKTT: tổ 5, khu Bí Trung 1, phường PĐ, thành phố UB, tỉnh Quảng Ninh; Hiện đang chấp hành án tại: Đội 21, phân trại số 2, Trại giam TP, huyện NC, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt tại phiên tòa, có văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện đề ngày 26/02/2018, bản tự khai cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Huyền T trình bày:

*Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị Huyền T và anh Trần Văn N kết hôn với nhau vào ngày 14/8/2010 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường PĐ, thành phố UB, tỉnh Quảng Ninh. Quá trình vợ chồng chung sống được một thời gian đầu hạnh phúc thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn theo chị T trình bày là do: anh N thường xuyên ghen tuông vô cớ rồi chửi mắng chị T, có lần còn tìm đến nhà bố mẹ đẻ chị để gây sự và xúc phạm

chị, đến tháng 8/2012 anh N vi phạm pháp luật và phải chấp hành án phạt tù tại Trại giam TP, tỉnh Thanh Hóa, từ đó vợ chồng xa cách nhau nên đã xảy ra nhiều bất đồng trong quan điểm sống, anh N do bản tính ghen tuông nên những lần chị T vào thăm gặp đều chửi bới, trách móc chị, mặt khác do một số mâu thuẫn với gia đình nhà chồng nên chị T đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ để ở từ đầu năm 2013; Chị đã nhiều lần tha thứ và vào trại thăm gặp nhưng anh N vẫn không thay đổi; Đến nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, thời gian chấp hành án của anh N còn dài, khả năng đoàn tụ của hai vợ chồng không có nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh N để sớm ổn định cuộc sống.

*Về con chung:* chị T và anh N có 02 con chung là Trần Ngọc H, sinh ngày 07/9/2010 và Trần Ngọc H1, sinh ngày 01/01/2013, khi ly hôn chị đề nghị Tòa án giao cả hai con chung cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu anh N cấp dưỡng.

*Về tài sản chung:* không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 30/3/2018, bị đơn anh Trần Văn N thừa nhận quá trình kết hôn, chung sống như chị T đã trình bày là đúng sự thật, tuy nhiên anh cho rằng vợ chồng anh chung sống hạnh phúc, không có mâu thuẫn gì lớn, anh không đồng ý ly hôn.

*Về con chung:* nếu ly hôn anh N đề nghị Tòa án giao cả hai con chung cho bố mẹ đẻ anh trực tiếp nuôi dưỡng và không yêu cầu chị T cấp dưỡng;

*Về tài sản chung:* không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử;

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của các đương sự: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật;

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Xét thấy mâu thuẫn của vợ chồng chị T, anh N chưa đến mức trầm trọng, khả năng đoàn tụ vẫn còn, đề nghị Hội đồng xét xử bác đơn khởi kiện về yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Huyền T.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng vào phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[1] Về thủ tục tố tụng:**

Việc thụ lý và giải quyết vụ án dân sự về tranh chấp hôn nhân và gia đình giữa các đương sự có nơi cư trú tại thành phố UB, tỉnh Quảng Ninh nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh theo quy

định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh Trần Văn N vắng mặt tại phiên tòa, đã có văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, do đó Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn đảm bảo đúng quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

## **[2] Về nội dung vụ án:**

- *Về quan hệ hôn nhân:*

Chị Nguyễn Thị Huyền T và anh Trần Văn N kết hôn hợp pháp, trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào năm 2010 tại UBND phường PD, thành phố UB, Quảng Ninh, nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Quá trình chung sống vợ chồng không có hạnh phúc, anh N do ghen tuông nên cả hai thường xuyên xảy ra cãi cọ nhau, trong thời gian anh N đang chấp hành án phạt tù vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm sống, cả hai không tìm được tiếng nói chung. Anh N vắng mặt tại phiên tòa và có quan điểm không đồng ý ly hôn, anh mong muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy con cái nhưng bản thân anh hiện nay không có biện pháp gì để khắc phục mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Tại biên bản xác minh ngày 10/4/2018, đại diện tổ 5, khu Bí Trung 1, phường PD và bà Phạm Thị T (là mẹ đẻ của anh Trần Văn N) thừa nhận quá trình kết hôn và chung sống của vợ chồng chị T, anh N như đã nêu trên là đúng sự thật. Trong thời gian chung sống hai vợ chồng không xảy ra mâu thuẫn gì lớn, tháng 8/2012 anh N vi phạm pháp luật và phải chấp hành án tại Trại giam TP, tỉnh Thanh Hóa, chị T ở cùng gia đình bà T đến đầu năm 2014 thì chuyển đi nơi khác sinh sống.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải để vợ chồng có cơ hội đoàn tụ nhưng không thành, chị T cho rằng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn anh N; anh N không đồng ý ly hôn với lý do vẫn còn thương yêu vợ con, mong muốn được đoàn tụ. Hội đồng xét xử xét thấy: quan hệ hôn nhân có được là do xuất phát từ tình cảm, sự tự nguyện của hai bên trên cơ sở tôn trọng, quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ lẫn nhau trong cuộc sống, cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc; Tuy nhiên trong thời gian chung sống hai vợ chồng do không tin tưởng nhau nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã nhau. Mặt khác, do anh N thiếu tu dưỡng rèn luyện bản thân nên đã vi phạm pháp luật, phải chấp hành án phạt tù từ năm 2012 đến nay, trong thời gian đó vợ chồng không còn quan tâm đến nhau, thực tế đời sống hôn nhân không tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được, anh N mong muốn vợ chồng đoàn tụ nhưng bản thân anh không có biện pháp gì để khắc phục mâu thuẫn vợ chồng. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, khả năng đoàn tụ không còn, HĐXX chấp nhận cho chị T được ly hôn anh N là hoàn toàn phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

- *Về con chung:* Trong thời gian chung sống chị T và anh N có với nhau 02 con chung là Trần Ngọc H, sinh ngày 07/9/2010 và Trần Ngọc H1, sinh ngày

01/01/2013, hiện các con chung đang ở cùng bố mẹ anh N tại tổ 5, khu Bí Trung 1, phường PĐ. Trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa hôm nay, chị T đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung, anh N do đang phải chấp hành án phạt tù nên anh đề nghị Tòa án giao cả hai con chung cho bố mẹ để anh trực tiếp nuôi dưỡng. HĐXX xét thấy: hiện nay anh N đang phải chấp hành án phạt tù nên không có điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục các con, không đảm bảo cho sự phát triển toàn diện về mọi mặt của các con chung, nên HĐXX giao các con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Khi nào anh N chấp hành xong án phạt tù, nếu xét thấy chị T không có đủ điều kiện để nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục các con chung thì anh có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- *Về tài sản chung*: Các đương sự không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về án phí*: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

- *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

**Vì các lẽ trên,**

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 228; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Huyền T.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị Huyền T được ly hôn anh Trần Văn N.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Huyền T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng các con chung là Trần Ngọc H, sinh ngày 07/9/2010 và Trần Ngọc H1, sinh ngày 01/01/2013 kể từ ngày Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

Anh Trần Văn N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, anh N vẫn có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con mà không ai được cản trở. Trường hợp, anh N lạm dụng việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh N.

Sau khi ly hôn, các bên vẫn có quyền thỏa thuận thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc trường hợp bên nào không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bên kia có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Huyền T chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (*ba trăm nghìn đồng*), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000285 ngày 05 tháng 3 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố UB, tỉnh Quảng Ninh; Chị T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

**Nơi nhận:**

- Dương sự;
- VKSND TP. Uông Bí;
- Chi cục THADS TP. Uông Bí;
- UBND phường PĐ, TP. Uông Bí; T. Quảng Ninh;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu HSYA, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Phạm Phúc Định**